

Bản án số: 117/2023/DS-ST

Ngày: 22/5/2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Anh Thư

Ông Đặng Quang Nhã

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Trà – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 6/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2377/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X

Địa chỉ: Tầng 8, văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà V, số 72 đường T, phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1998; Địa chỉ: C11.08, CC KH, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 30/2022/EIB.HB-XLN) (Có mặt).

Bị đơn: Ông Giang Thành Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 68/227A đường Trần Quang K, phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ hiện nay: Số 02 đường H, phường Đ, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị N – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Hồ Thị Thanh T trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (nguyên đơn) và ông Giang Thành Đ (bị đơn) có ký kết với nhau Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 04/12/2014 (Số hợp đồng: VP00XX, tài khoản: 100724849010XXX), loại thẻ: Visa Platinum, hạn mức thẻ là 300.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Ông Giang Thành Đ có lịch sử thanh toán tốt từ tháng 12/2014 đến tháng 6/2021. Tuy nhiên, từ tháng 7/2021, ông Giang Thành Đ không thanh toán tiếp cho nguyên đơn. Tính đến ngày 21/11/2022, Ông Giang Thành Đ đã chậm thanh toán các khoản nợ gốc và lãi vay là 483 ngày. Trong thời gian đó, đại diện nguyên đơn có gọi điện, nhắn tin và xuống nhà ông Đạt để đốc thúc thanh toán nợ và tìm hướng để xử lý giải quyết. Tuy nhiên, ông Đạt liên tục không hợp tác và không thanh toán. Ông Đạt đã vi phạm cam kết trả nợ trong theo quy định trong giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 04/12/2014.

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, tiến hành làm việc và thông báo nợ thẻ tới bị đơn nhưng ông Đạt vẫn không thanh toán nợ gốc, lãi cho nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện để buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 721.461.354 đồng, trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức tạm tính đến ngày 21/11/2022 là 421.461.354 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Giang Thành Đ trình bày:

Ông Giang Thành Đ xác nhận có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 04/12/2014 (Số hợp đồng: VP00XX, tài khoản: 100724849010XXX), loại thẻ: Visa Platinum, hạn mức thẻ là 300.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Bị đơn xác nhận hiện nay còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là khoảng 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định hiện hành của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 744.520.434 đồng còn nợ tạm tính đến ngày 22 tháng 5 năm 2023, gồm: 299.560.603 đồng nợ gốc, nợ lãi trong hạn: 117.983.932 đồng và nợ lãi quá hạn: 266.975.898 đồng. Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 23 tháng 5 năm 2023 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04 tháng 12 năm 2014.

Bị đơn vắng mặt, có đơn xin có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, cụ thể: Đồng ý số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của ngân hàng. Bị đơn xin miễn tiền phạt và phí vượt định mức vì khó khăn về tài chính.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Đồng ý phần trình bày của nguyên đơn với số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/5/2023 là 744.520.434 đồng. Đề nghị Tòa án xem xét miễn giảm tiền lãi, phí cho bị đơn do hiện bị đơn đang gặp khó khăn về tài chính.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là ông Giang Thành Đ có địa chỉ cư trú ghi trong hợp đồng tại số 68/227A đường Trần Quang K, phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng 04/12/2014 và các Tóm tắt sao kê, bản khai thì nguyên đơn thỏa thuận cấp cho bị đơn thẻ tín dụng Thẻ Visa Platinum số hợp đồng: VP00XX, tài khoản: 100724849010XXX với hạn mức sử dụng là 299.560.603 đồng đúng như nguyên đơn trình bày. Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bị đơn cũng xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 299.560.603 đồng và tiền lãi theo quy định của nguyên đơn.

Căn cứ Tóm tắt sao kê và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 299.560.603 đồng và phát sinh các khoản phí thường niên, phí rút tiền mặt; phí trễ hạn và tiền lãi. Từ kỳ tháng 12/2014 kích hoạt thẻ đến kỳ tháng 6/2021, bị đơn đã thanh toán nhiều lần và được trừ vào các khoản phát sinh (phí, tiền lãi), tiền giao dịch; Trong thời gian này, bị đơn không khiếu nại các thông báo giao dịch, tiền lãi và dư nợ hàng tháng mà vẫn đóng tiền.

Dư nợ cuối kỳ thẻ tín dụng của bị đơn tính đến ngày 22 tháng 5 năm 2023 là 299.560.603 đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 04 tháng 12 năm 2014, yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh được tính đúng theo thỏa thuận của hai bên.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn, chuyển nợ quá hạn của thẻ tín dụng từ 06 tháng 7 năm 2014. và tiến hành thu hồi nợ vay là đúng theo thỏa thuận của hợp đồng và Luật Các tổ chức tín dụng.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 14 Điều 4 và khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân

hàng của tổ chức theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất của nguyên đơn yêu cầu phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 744.520.434 đồng còn nợ của hợp đồng tín dụng nêu trên, gồm: 299.560.603 đồng nợ gốc, nợ lãi trong hạn: 117.983.932 đồng và nợ lãi quá hạn: 266.975.898 đồng tạm tính đến ngày 22 tháng 5 năm 2023. Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày 23 tháng 5 năm 2023 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm cho đến khi thanh toán hết nợ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Đồng ý phần trình bày của nguyên đơn với số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/5/2023 là 744.520.434 đồng. Đề nghị Tòa án xem xét miễn giảm tiền lãi, phí cho bị đơn do hiện bị đơn đang gặp khó khăn về tài chính. Nguyên đơn không đồng ý với đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích của bị đơn, do đó đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn xin miễn giảm tiền lãi, phí cho bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu 33.780.817 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 14 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Buộc ông Giang Thành Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X tổng số tiền 744.520.434 đồng còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 04 tháng 12 năm 2014 gồm: 299.560.603 đồng nợ gốc, nợ lãi trong hạn: 117.983.932 đồng và nợ lãi quá hạn: 266.975.898 đồng tính đến ngày 22 tháng 5 năm 2023.

Kể từ ngày 23 tháng 5 năm 2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 04 tháng 12 năm 2014 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Giang Thành Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 33.780.817 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X 16.429.227 (Mười sáu triệu bốn trăm hai mươi chín ngàn hai trăm hai mươi bảy) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AA/2022/00182XX ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Mạnh